VIETNAM DAILY REVIEW

VN-Index tiếp tục tích lũy, chờ tín hiệu bứt phá

Thứ Năm, Ngày 12 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,734.75	1,839.43	256.62	121.25
▼ -12.15 (-0.70%)	▼ -15.84 (-0.85%)	▲ +0.89 (+0.35%)	▼ -0.32 (-0.26%)

	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)
VN-INDEX	10,386	-18.2%	-876.2
VN30	5,086	-26.1%	-624.7
HNX-INDEX	620	-13.5%	-23.0
UPCOM-INDEX	299	-30.2%	-5.7

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm hơn 12 điểm trong phiên hôm nay, đóng cửa tại 1,734.75 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin giảm trên 2%. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí tăng trên 1%. Về giao dịch của khối ngoại, khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Diễn biến của VN-Index vẫn chưa thoát ra ngoài mô hình tam giác cân, cho thấy xu hướng thu hẹp biên độ dao động và hình thành nền giá quanh ngưỡng 1,725 điểm vẫn đang tiếp diễn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm, cùng chiều vận động với chỉ số VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 12/11/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **-12.15** điểm, đóng cửa tại 1,734.75 điểm. HNX-Index **+0.89** điểm, đóng cửa tại 256.62 điểm. UPCoM-Index **-0.32** điểm, đóng cửa tại 121.25 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: BSR (**+0.21**), PLX (**+0.21**), REE (**+0.16**), STB (**+0.16**), PGV (**+0.14**).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (**-3.55**), VPB (**-0.82**), GAS (**-0.60**), BID (**-0.56**), HPG (**-0.52**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,386 tỷ đồng, tăng 4.04% so với phiên trước và thấp hơn 18.2% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,177 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.9 điểm. Sàn HOSE có 101 mã tăng (6 mã trần), 102 mã tham chiếu, 204 mã giảm (3 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-876.23** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (**-449.95** tỷ), KDH (**-107.08** tỷ), STB (**-98.74** tỷ), SHB (**-56.21** tỷ), VIC (**-35.74** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 1 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-123,906** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-22.98** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-5.72** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
HDB	60.42	FPT	-449.95
MSN	41.06	KDH	-107.08
CTD	28.30	STB	-98.74
VHM	23.72	SHB	-56.21
ACB	23.18	VIC	-35.74

HOSE luỹ kế năm: **-123,906** tỷ 1 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,619	+1.31%	-0.90%
FTSE100	10,836	+0.78%	+0.06%
Eurostoxx	6,393	+1.04%	+2.04%
Shanghai	3,656	-0.67%	-0.92%
Nikkei	60,819	-0.70%	-0.42%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	92.81	+0.05%	-5.58%
Giá vàng	3,936	-1.29%	-3.71%
USD/VND	25,683	+0.13%	+0.01%
EUR/VND	28,488	+0.17%	-1.11%
JPY/VND	161	+0.25%	-1.23%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	-0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.80%	+40.0 bps	+46.7 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
BSR	25.50	+0.79%	+0.21	3.95
PLX	33.60	+2.28%	+0.21	1.94
REE	49.30	+2.49%	+0.16	2.19
STB	68.90	+0.58%	+0.16	4.25
PGV	21.25	+2.66%	+0.14	0.06

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	243.00	-0.90%	-3.55	1.83
VPB	21.90	-1.79%	-0.82	11.67
GAS	73.20	-1.61%	-0.60	0.29
BID	32.10	-1.08%	-0.56	1.75
HPG	21.05	-1.41%	-0.52	15.03

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	16.20	+5.19%	+1.41	1.43
THD	90.80	+1.68%	+0.34	0.00
KSF	68.90	+0.58%	+0.21	0.08
VIF	16.00	+6.67%	+0.21	0.00
PVI	60.90	+0.50%	+0.04	0.02

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
HUT	12.60	-2.33%	-0.18	1.32
MBS	16.30	-1.21%	-0.11	2.30
SHS	13.40	-1.47%	-0.10	19.51
VIT	22.70	-9.92%	-0.10	0.01
PVS	28.40	-0.70%	-0.08	1.20

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
STB	68.90	+0.58%	+0.55	4.25
LPB	36.40	+0.55%	+0.41	89.55
VRE	24.30	+0.83%	+0.33	5.10
BSR	25.50	+0.79%	+0.14	3.95
HDB	22.50	0.00%	0.00	18.07

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	49.55	-2.65%	-3.39	17.69
HPG	21.05	-1.41%	-2.68	15.03
VIC	243.00	-0.90%	-2.11	1.83
MWG	73.00	-0.95%	-1.36	3.39
VPB	21.90	-1.79%	-1.31	11.67

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TNC	26.85	+6.97%	0.00
L10	41.65	+6.93%	0.04
FIR	3.24	+6.93%	1.15
DAT	8.03	+6.92%	0.00
LM8	13.90	+6.92%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PIT	9.30	-7.00%	0.00
TMS	31.35	-6.97%	0.00
VSI	19.45	-6.94%	0.00
HRC	30.00	-6.83%	0.00
FUEIP100	12.47	-6.80%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
VLA	6.60	+10.00%	0.00
HEV	14.80	+9.63%	0.00
POT	21.80	+9.00%	0.00
DC2	5.00	+8.70%	0.00
PCE	17.90	+8.48%	0.00

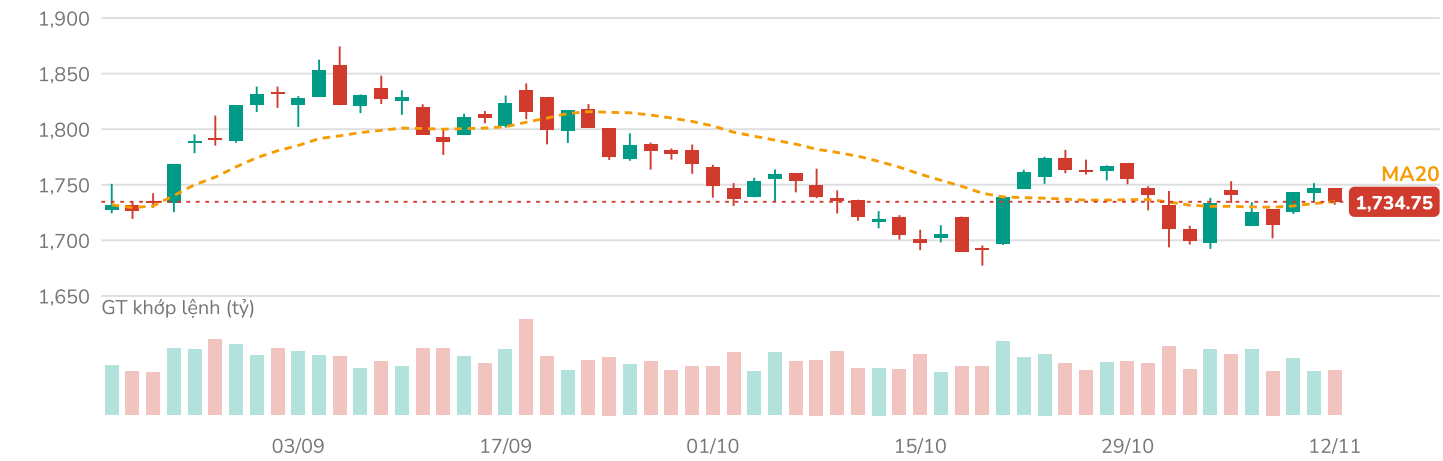
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CAR	135.00	-10.00%	0.00
VIT	22.70	-9.92%	0.01
GIC	10.30	-9.65%	0.01
MEL	7.70	-9.41%	0.00
SGD	12.90	-9.15%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

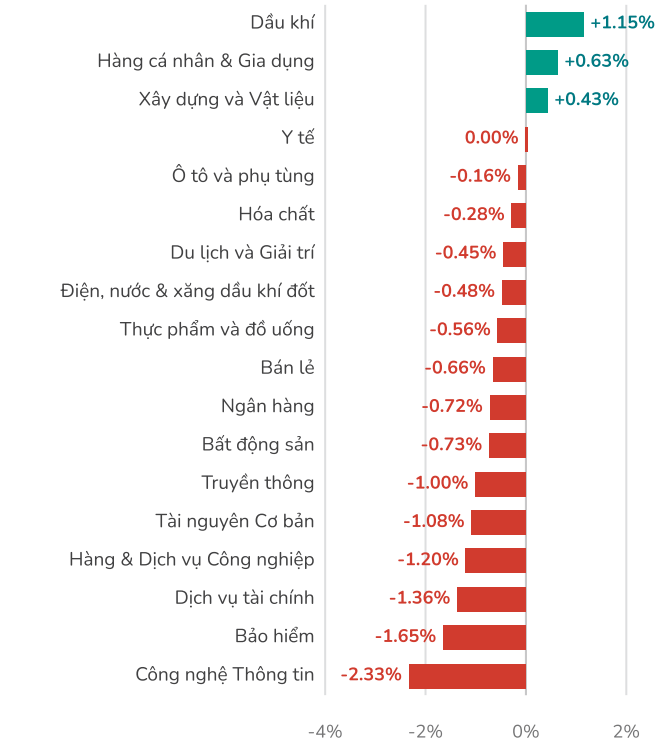
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,734.95 TB20 GT khớp lệnh: 12,701 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

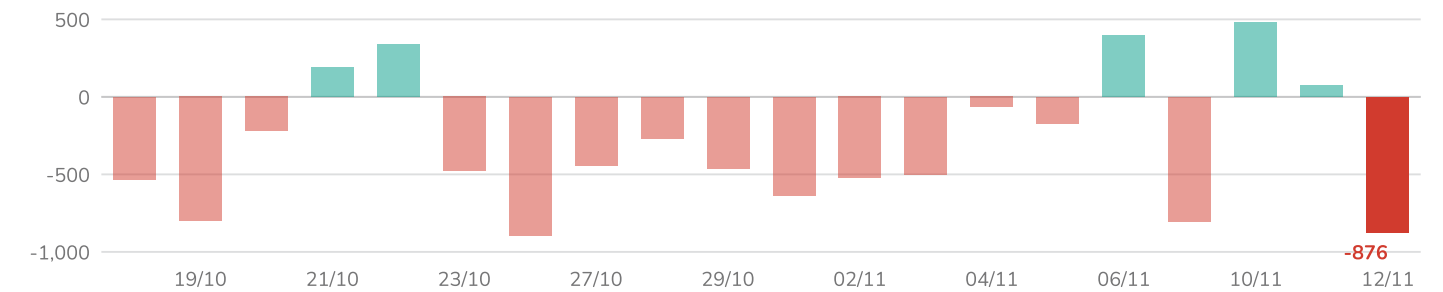
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Xây dựng và Vật liệu	+0.43%	702	46.3
Hàng cá nhân & Gia dụng	+0.63%	162	14.9
Du lịch và Giải trí	-0.45%	218	-12.3
Hóa chất	-0.28%	133	-12.8
Tài nguyên Cơ bản	-1.08%	459	-18.4
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.20%	1,019	-58.2
Ngân hàng	-0.72%	5,964	-100.0
Bất động sản	-0.73%	2,336	-140.8
Dịch vụ tài chính	-1.36%	1,606	-148.6
Công nghệ Thông tin	-2.33%	913	-452.0

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-0.85%	8,751	-624.7
VNMID	-0.48%	5,489	-216.6
VNSML	-0.37%	762	-13.9

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

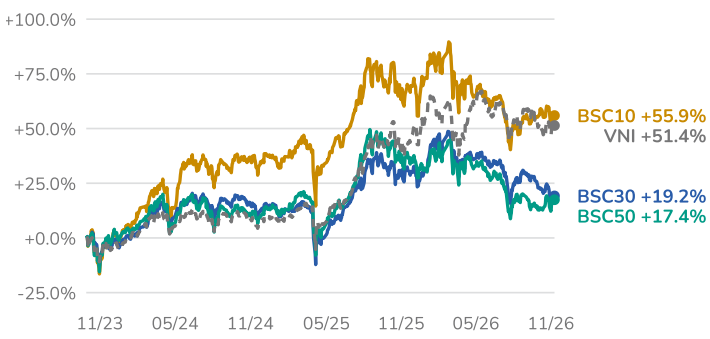
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.59%**. Các mã diễn biến tích cực: DCM (+2.17%), BSR (+0.79%), STB (+0.58%).
- BSC50 **-0.05%**. Các mã diễn biến tích cực: DPG (+6.46%), CTD (+3.52%), PNJ (+2.75%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.59%	-0.05%	-0.70%	-0.85%
1 tuần	-0.94%	+0.45%	-0.34%	-1.38%
1 tháng	+0.50%	+2.80%	+2.14%	-0.23%
3 tháng	-2.25%	-2.48%	-1.75%	-3.66%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	73.0	-0.95%	1.1	107,726	250.8	7,556	9.7	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.9	-1.10%	1.0	25,333	158.3	1,859	14.5	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	15.6	+0.32%	1.0	19,364	334.6	1,374	11.3	39.9	23.9%	Link
PDR	Bất động sản	11.8	0.00%	1.0	11,774	118.6	540	21.8	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	62.2	-0.48%	1.8	510,962	218.5	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	49.5	-2.65%	0.7	93,438	883.3	5,479	9.0	124.4	26.4%	Link
BSR	Dầu khí	25.5	+0.79%	–	127,686	100.6	5,584	4.6	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	28.4	-0.70%	0.9	17,429	34.2	3,417	8.3	52.3	15.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.2	0.00%	0.9	31,829	258.0	1,059	21.9	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.2	-1.46%	1.1	60,760	354.5	1,554	13.0	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.9	-1.73%	0.9	22,872	134.3	1,249	15.9	–	14.4%	Link
DCM	Hóa chất	30.6	+2.17%	0.9	16,226	53.0	5,132	6.0	53.3	7.2%	Link
DGC	Hóa chất	32.9	+0.46%	0.9	12,476	8.4	4,883	6.7	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.4	-0.97%	0.6	118,410	127.2	2,773	7.4	27.1	22.0%	Link
BID	Ngân hàng	32.1	-1.08%	1.0	249,681	56.3	4,524	7.1	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.6	-0.79%	0.9	245,047	174.5	5,479	5.8	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.5	0.00%	1.0	146,404	405.9	2,932	7.7	32.7	19.2%	Link
MBB	Ngân hàng	19.2	-1.03%	0.9	193,320	186.2	3,507	5.5	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.1	-1.22%	0.7	60,466	80.2	1,673	9.7	14.0	6.0%	Link
STB	Ngân hàng	68.9	+0.58%	0.5	129,891	297.1	809	85.2	–	10.1%	Link
TCB	Ngân hàng	21.6	-1.37%	1.0	229,063	409.4	2,694	8.0	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	13.1	0.00%	0.9	41,791	299.1	2,649	4.9	–	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	53.9	-0.55%	0.7	450,371	133.2	4,986	10.8	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	14.1	0.00%	0.7	52,482	102.0	2,070	6.8	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.9	-1.79%	1.0	219,000	254.8	3,118	7.0	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.0	-1.23%	0.7	6,897	40.1	2,348	6.8	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.2	-0.84%	0.9	103,979	175.4	6,243	11.4	100.4	25.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	54.2	-0.55%	0.5	113,276	82.1	5,455	9.9	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.1	-1.41%	0.8	177,724	318.0	3,251	6.5	32.2	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	11.1	0.00%	0.8	8,920	22.3	772	14.3	14.3	3.3%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	39.5	+0.64%	1.0	8,812	20.2	4,269	9.2	28.7%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	147.8	-0.14%	0.8	26,429	25.0	7,598	19.4	33.8%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	63.4	-2.01%	0.9	47,063	17.7	4,560	13.9	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.4	-0.48%	0.9	8,822	59.5	776	13.5	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.1	-1.77%	0.9	14,076	176.0	92	121.2	15.5%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.9	-1.53%	0.9	2,963	34.8	690	18.7	1.4%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	35.7	-0.28%	0.9	14,903	26.0	4,365	8.2	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	24.3	+1.67%	0.9	11,788	94.9	1,026	23.7	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	50.3	+0.60%	0.9	12,178	6.4	5,778	8.7	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.5	-0.49%	1.0	3,690	12.6	891	23.0	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.5	-0.74%	1.0	13,545	133.0	793	17.0	9.9%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	243.0	-0.90%	1.6	1,886,211	445.2	5,557	43.7	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.3	+0.83%	1.6	55,217	124.7	3,255	7.5	11.0%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.6	0.00%	0.9	4,099	4.6	1,687	10.4	35.4%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	136.5	0.00%	0.6	104,981	150.9	2,866	47.6	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.6	+2.28%	0.9	43,474	64.4	3,022	11.1	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.5	+0.92%	0.9	15,308	32.5	976	16.9	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.4	-2.02%	1.0	7,390	18.5	1,054	18.4	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.3	-1.21%	1.1	16,315	37.6	1,562	10.4	0.5%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.9	-1.79%	1.1	28,721	408.6	762	28.8	5.7%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.7	+0.19%	0.8	34,869	302.2	4,184	12.8	37.6%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.0	-0.31%	0.5	9,218	6.8	6,594	7.3	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	-0.24%	0.8	10,804	43.7	2,977	7.0	15.7%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.9	-0.76%	0.7	9,256	9.1	2,174	21.1	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	+2.75%	1.0	7,650	136.8	3,302	4.5	24.0%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	0.00%	0.7	1,759	6.9	1,741	8.6	48.1%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.1	-2.29%	0.7	2,201	12.4	3,692	4.6	22.3%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.6	+0.77%	0.8	13,293	20.6	2,320	8.4	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.2	-0.68%	1.5	116,800	13.8	2,111	13.8	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.2	-1.22%	1.0	30,176	45.9	103	157.8	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	36.4	+0.55%	0.8	108,737	3,029.3	4,048	9.0	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	13.0	+1.56%	0.5	28,065	66.2	2,365	5.5	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.7	-0.93%	0.7	32,769	6.8	1,482	7.2	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.1	-3.12%	1.0	4,553	14.5	2,961	5.8	1.8%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.7	-0.81%	0.5	12,445	39.3	252	121.8	3.0%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.9	-1.04%	0.5	55,022	15.6	3,623	11.8	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.0	+0.91%	0.7	10,473	7.4	5,503	9.1	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.6	+2.44%	0.7	6,203	65.8	494	25.5	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	130.2	-0.23%	0.2	10,658	3.4	15,292	8.5	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	73.5	+3.52%	0.8	8,219	107.2	7,145	10.3	47.8%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	62.0	-1.90%	0.8	7,943	8.0	5,223	11.9	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	34.6	+6.46%	0.8	4,103	62.3	3,735	9.3	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.8	-1.32%	0.8	5,601	36.5	1,241	7.8	10.4%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.8	+0.90%	0.6	7,922	12.7	2,352	7.1	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.6	0.00%	0.6	10,857	92.7	1,607	9.7	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.5	-0.25%	0.9	18,181	4.4	4,003	10.1	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	73.2	-1.61%	1.0	176,628	21.7	6,110	12.0	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.3	-1.21%	0.8	6,633	20.0	1,999	8.2	15.8%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.6	-0.79%	0.8	38,655	107.1	2,353	5.4	4.5%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	49.3	+2.49%	0.3	30,734	107.0	4,420	11.2	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn